

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Bản án số: **02/2022/DS-PT**

Ngày: 05-01-2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Nguyên.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Kim Thư.

Ông Nguyễn Minh Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Tứ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2021/TLPT-DS ngày 03/11/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2021/DS-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/2021/QĐ-PT, ngày 17/11/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn Tr. Sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn Ph Q, xã V, TP KT, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Võ Quốc Cứu T, sinh năm 1998. Địa chỉ: số 162 H T L, phường Qu, thành phố K T, tỉnh K T (theo Giấy ủy quyền số chứng thực: 533; Quyền số: 01/2021- SCT/CK, ĐC ngày 03/12/2021 của UBND phường trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum). Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Xuân Đ, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn 1, xã Đ L, huyện Đ H, tỉnh K T. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Hoàng Minh T – Luật sư Văn phòng Luật sư M T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh K T. Địa chỉ: 157 Phan Chu Trinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Bùi Thị Thu H, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn Ph Qu, xã V Qu, TP K T, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị Thu Hà: Anh Võ Quốc Cứu Tr, sinh năm 1998. Địa chỉ: số 162 Hoàng Thị L, phường Qu Tr, thành phố K T, tỉnh K T (theo Giấy ủy quyền số chứng thực: 533; Quyền số: 01/2021-SCT/CK, ĐC ngày 03/12/2021 của UBND phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum). Có mặt.

+ Chị Lê Xuân Qu, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn 1, xã Đ L, huyện Đ H, tỉnh K T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Tấn Triệu trình bày:

Ông Triệu có cho vợ ông là bà Bùi Thị Thu H và bà Huỳnh Thị Xuân Đ mượn một số tiền để làm ăn chung cụ thể: Đợt đầu ngày 13/06/2018 ông Tr đưa tiền làm bốn lần với tổng số tiền là 920.000.000đ. Đợt hai ngày 31/10/2019 bà Đào viết giấy mượn ông Tr số tiền 50.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền bà Đ và bà H mượn là 970.000.000 đồng. Bà H và bà Đ mỗi người phải trả cho ông Tr số tiền là 485.000.000 đồng. Riêng bà H vợ ông thì ông Tr không khởi kiện.

Đồng thời, ông Tr có thể chấp hai bìa đồ của ông Tr cho quỹ tín dụng xã V Qu với số tiền 800.000.000 đồng để mua lô đất tại xã Đ H, huyện Đ H, tỉnh Kon Tum và sang tên cho con của bà Đ là chị Qu, bà Đ đã nhận trách nhiệm trả cho ông Triệu số tiền trên với tiền lãi hàng tháng tại Quỹ tín dụng xã V Qu. Sau đó bà Đ mượn thêm ông Triệu 100.000.000 đồng để làm ăn. Tổng cộng bà Đ nợ ông Tr là 900.000.000 đồng. Trong quá trình vay tiền bà Đ có trả lại cho ông Tr 200.000.000 đồng. Bà Đ còn nợ lại ông Triệu số tiền 700.000.000 đồng. Vì vậy tổng số tiền bà Đ còn nợ ông Tr là 1.185.000.000đ (*Một tỷ một trăm tám mươi lăm triệu đồng*). Trong đó 700.000.000 đồng là tiền bà Đ nợ riêng ông Tr và số tiền 485.000.000 đồng là tiền bà Đ nợ ông Tr khi làm ăn chung với bà H.

Vì vậy ông Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị Xuân Đ phải trả cho ông số tiền 1.185.000.000đ (*Một tỷ một trăm tám mươi lăm triệu đồng*) và yêu cầu tính lãi từ ngày 31/10/2019 đến 08/7/2021 là 199.968.750 đ (*Một trăm chín mươi chín triệu chín trăm sáu mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng*). Tổng cộng số tiền cả gốc và lãi ông Tr yêu cầu bà Huỳnh Thị Xuân Đ phải trả là: 1.384.968.750 đồng (*Một tỷ ba trăm tám mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng*) trả làm một lần.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Thứ nhất: Việc ông Triệu có đầu tư cho bà Bùi Thị Thu H và bà Huỳnh Thị Xuân Đ vay tiền để hai người làm ăn chung với nhau. Tổng số tiền nợ đầu

tư là: 970.000.000 đồng. Như vậy mỗi người phải chịu nợ số tiền trên của ông Triệu một nửa cụ thể: Bà Bùi Thị Thu H nợ 485.000.000 đồng, bà Huỳnh Thị Xuân Đ nợ 485.000.000 đồng. Do bà H là vợ ông Tr nên ông Triệu chưa kiện đòi số tiền này. Việc ông Triệu đầu tư (cho vay) tiền bà Đ cũng thừa nhận.

Thứ hai: Số tiền bà Đ nợ ông Triệu: 900.000.000 đồng đã trả được 200.000.000 đồng còn 700.000.000 đồng. Lý do bà Đ vay ông Tr số tiền này là bà Đào thỏa thuận mua đất của ông Đàm Quang H. Trú tại: Tổ dân phố 5, Thị trấn Đ, huyện Đ với diện tích 1,7 ha đất ở xã Đ H, huyện Đ, tỉnh K T. Nên ông Tr có vay Quỹ tín dụng xã V Qu, thành phố K số tiền 800.000.000 đồng và 100.000.000 đồng bà Đ vay sau đó để bà Đ mua đất cho con gái đồng thời lô đất mua của ông H thì bà Đào để con gái mình là chị Lê Xuân Qu đứng tên lô đất chứ bà Đ không đứng tên.

Nếu bà Đào không nợ ông Tr 900.000.000 đồng trên thì tại sao bà Đ lại ghi “Đào trả 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)” và phần dưới ghi “còn nợ lại 700.000 triệu” ký (Huỳnh Thị Xuân Đ), cũng như câu bà Đào xác nhận “Tôi đã đọc và xác nhận hai nội dung trên là đúng sự thật” như vậy là có việc bà Đào còn nợ ông Triệu số tiền vay mua đất 700.000.000 đồng và tiền nợ làm ăn chung 485.000.000 đồng tổng cộng là: 1.185.000.000 đồng.

Yêu cầu bà Huỳnh Thị Xuân Đ trả đủ số tiền trên cho ông Nguyễn Tấn Tr trả làm một lần. Không đồng ý cho trả dần vì khoản tiền trên đã lâu và đòi nhiều lần.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Xuân Đ trình bày:

Vào tháng 8 năm 2017 bà Đ có mua của ông Nguyễn Tấn Tr một đám cao su để khai thác cũng là lần đầu bà Đào biết vợ chồng ông Triệu và bà Hà đến đầu năm 2018 vợ chồng ông Tr có đến nhà bà Đ xin cho góp vốn và cho vợ là bà Bùi Thị Thu H đi làm ăn chung (mua bán cây cao su). Trước đó hai vợ chồng ông Tr có gọi điện nhiều lần xin cho làm ăn chung nhưng bà Đ không đồng ý và từ chối với lý do bà Đ không có vốn làm ăn do bà đã mua rẫy nên không còn tiền. Ông Tr và bà Hà nói với bà Đ là ông bà có vốn đầu tư cho làm. Lúc đầu bà Đ còn do dự nhưng đến khi bà H vợ ông Tr sang quán cà phê cho con dâu làm ăn thì bà Đào đồng ý và cùng làm ăn chung với bà H, bà Đ có lên nhà ông Tr và bà H để bàn công việc làm ăn. Bà Đ đưa ra ý kiến nếu ông Tr giúp vốn cho bà Đ và bà H làm ăn chung thì làm xong một đám cây, vốn mượn của ông Tr hai người là bà Đ và bà H sẽ trả lại cho ông Tr còn tiền lời thì chia ra để sử dụng khi nào cần mua thì mượn lại vốn của ông Tr. Ông Tr nói không cần đã làm ăn chung với bà H là vợ ông Tr thì ông Tr tin tưởng và nói bà Đ và bà H cứ giữ lấy vốn để làm ăn.

Lần đầu tại nhà ông Tr bà Đ chứng kiến ông Tr đưa giao tiền là 300.000.000 đ (Ba trăm triệu đồng) sau đó bà Đ lên nhà để bắt đầu đi làm ăn chung thì bà H nói với bà Đ là ông Triệu giao tiền đây, tay bà H cầm bọc tiền và hai người đi đến chỗ mua cây rồi giao tiền cho người ta. Giấy tờ hoặc chứng từ gì thì bà Hà cầm hết bà Đ chỉ là người chứng kiến. Lần thứ hai cũng tại nhà ông Triệu như thường lệ bà Đ lên chờ bà Hà đi làm ăn cùng. Tiền ông Tr giao cho bà H số tiền: 800.000.000 đ (Tám trăm triệu đồng) bà Đ cũng là người chứng kiến

rồi bà Hà cầm đi giao tiền cây cho người ta. Mọi việc mua, bán về tiền bạc thì bà Hà là người chỉ ra và thu vào bà Đ không được giữ số tiền đó. Bà Đ chứng kiến hai lần giao số tiền đó còn lại các khoản khác bà Đào không biết.

Vì vậy bà Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn Tr.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Thu H có ý kiến: Thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn Tr (*chồng của bà Hà*) về việc yêu cầu Tòa án buộc Bà Huỳnh Thị Xuân Đ trả lại tổng số tiền nợ gốc và lãi là: 1.384.968.750 đồng (*Một tỷ ba trăm tám mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng*).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Xuân Quỳ có ý kiến: Ngày 07 tháng 5 năm 2019, chị Qu có mua đất tại thôn 11, xã Đ H, huyện Đ H, tỉnh K T; tờ bản đồ số 63 thửa đất số 51 của ông Đàm Quang Hi. Chị Qu đã chuyển tiền mặt đủ số tiền 650 triệu để làm thủ tục sang tên (*người đưa là chồng chị Qu là ông Lê Phước Tr cùng với mẹ chị Qu là bà Huỳnh Thị Xuân o*). Sau đó sổ đất được sang tên từ ông H qua vợ chồng chị Qu (Sổ đất được cấp ngày 07/6/2019). Chị Quỳnh xác nhận mua và sang tên trực tiếp từ ông Đàm Quang H, chứ không liên quan đến ông Nguyễn Tấn Tr.

Lời khai của những người làm chứng:

- Tại bản tự khai ngày 20 tháng 8 năm 2021 bà Nguyễn Thị Th Th khai: Bà Th và bà Đ có quen biết nhau là từ công việc bà Đ có mua lô đất của bà Thúy sau đó bà Thúy có biết ông Tr và bà H là qua bà Đ. Giữa công việc làm ăn của bà Huỳnh Thị Xuân Đ và bà Bùi Thị Thu H đã có từ trước. Sau khi bà Đ mua lô đất của bà Th. Bà Đ có nói với bà Th tất cả đều nhờ vào sự giúp đỡ của bà H. Bà Đ đang nợ nần nhiều không có tiền mua. Tiền đặt cọc đất của bà Th bà Đ nói với bà Th là bà Đ mượn của bà H là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*). Khi làm giấy tờ xong bà Đ kể khổ không có tiền trả cho bà Th. Lần hai bà Đ đưa cho bà Th 50.000.000 đồng. Lần thứ ba và thứ tư, bà Đ đưa cho bà Th tổng cộng 400.000.000 đồng. Số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) mượn của bà Hà; bà Th biết vì bà Đ nói với bà Th là mượn của bà Bùi Thị Thu H. Bà Th thấy số tiền này bà H cho bà Đ mượn không ghi lại giấy tờ gì hết. Lần sau 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) đưa tại nhà bà Thúy. Lúc đó bà Th thấy bà Đào gọi điện thoại đòi tiếp tiền cây (*hai người đang làm ăn chung*) để trả cho bà Thúy. Tất cả những lần trả tiền cho bà Th, bà Đ đều mượn của bà H đó là tiền ông Nguyễn Tấn Tr đưa cho hai người làm ăn chung. Nhiều lần bà Huỳnh Thị Xuân Đ có tâm sự với bà Th là bà H rất tốt giúp bà Đào đủ thứ tiền. Thấy bà Đ làm ăn công việc của gia đình kẹt tiền tới đâu là bà H tự rút tiền và đưa cho bà Đ mượn tiền tới đó. Sau này bà Th mới biết là làm ăn chung với nhau mượn tiền qua lại mà không ghi lại chứng từ gì hết. Còn những việc làm trước bà Thúy không biết. Việc mua bán đất của ông H bà Th cũng không biết.

- Tại bản tự khai ngày 10 tháng 9 năm 2021 bà Trần Thị Bích L khai: Cách đây khoảng ba năm bà L và bà Đ có mua lô đất và cây cao su của ông H với giá là: 1.050.000.000 đồng (*Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng*). Sau

đó bà L và bà Đ có mua đám cây của vợ chồng ông Tr số tiền còn thiếu bà L và bà Đào quyết định sang nhượng lại lô đất và cây cao su của bà Liên và bà Đào mua của ông H ở huyện Đ H cho vợ chồng ông Tr với giá là: 1.150.000.000 đồng (*Một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng*). Hôm đó chính bà H có đưa tại nhà ông Hiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) giao tại nhà ông H. Bà L và bà Đ đồng thống nhất ghi giấy tờ giao cho vợ chồng ông Tr công nợ đã xong. Về sau bà L hoàn toàn không biết gì nữa.

- Tại bản tự khai ngày 10 tháng 9 năm 2021 ông Đàm Quang Hi khai: Gia đình ông có lô cao su ở thôn 11, xã Đ, huyện Đ H, tỉnh K T làm từ năm 1993. Cho tới năm 2018 gia đình có bán cho bà Đ người Kon Tum. Lần một bà Đ đặt cọc cho gia đình ông 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), lần hai bà Đ đặt cọc số tiền 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*), và lần 3 Bà Đ trả nốt số tiền còn lại là 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*). Tổng số tiền là: 1.050.000.000 đồng (*Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng*). Sau đó gia đình ông Hiền bàn giao giấy tờ bìa đỏ cho bà Đ.

Sau đó, ông Đàm Quang H đã có sự thay đổi lời khai như sau: Việc mua bán ông chỉ giao dịch với cô Lê Xuân Quỳnh con gái của bà Huỳnh Thị Xuân Đ và trực tiếp nhận bán đất với cô Lê Xuân Qu con cô Đ. Ngoài ra, ông không giao dịch và nhận tiền bán rẫy với ai hết.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2021/DS-ST, ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 91; Điều 92, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự: Áp dụng các Điều 351; 357; 463; 466; 469 của Bộ luật dân sự 2015.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn Tr đề ngày 21/06/2021 sửa đổi bổ sung ngày 07/07/2021.

- Buộc bà Huỳnh Thị Xuân Đ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Tấn Tr tổng số tiền 725.000.000 đồng (*Bảy trăm hai mươi lăm triệu đồng*).

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015: Kể từ ngày ông Nguyễn Tấn Tr có đơn yêu cầu thi hành án, mà bà Huỳnh Thị Xuân Đ không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bà Huỳnh Thị Xuân Đ còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 6, 18, 19, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Huỳnh Thị Xuân Đ phải chịu 33.000.000 đồng (*Ba mươi ba triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Tấn Tr phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần không được chấp nhận là 30.398.750 đồng (*Ba mươi chín triệu ba trăm chín tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng*) ông Nguyễn Tấn Tr đã nộp tạm ứng số tiền 26.774.531 đồng (*Hai mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi bốn ngàn năm trăm ba một đồng*) còn phải nộp tiếp 3.624.219 đồng (*Ba triệu sáu trăm hai mươi bốn ngàn hai trăm mười chín đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo, quyền thi hành án theo quy định pháp luật.

* Ngày 13/10/2021, bị đơn bà Huỳnh Thị Xuân Đ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 700.000.000 đ (*Bảy trăm triệu đồng*), chỉ chấp nhận một phần bản án là buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn không thay đổi, bổ sung hay rút kháng cáo. Các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum phát biểu ý kiến như sau:

- Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm, kể từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua phân tích, đánh giá toàn bộ các tình tiết, chứng cứ, nội dung đơn kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Xuân Đ đề ngày 13/10/2021; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2021/DS-ST, ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét nội dung, quyết định của bản án sơ thẩm, đơn kháng cáo của bị đơn; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

Trên cơ sở Giấy vay tiền giữa ông Nguyễn Tấn Tr và bà Huỳnh Thị Xuân Đ, nguyên đơn ông Nguyễn Tấn Tr đã khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với bà Huỳnh Thị Xuân Đ có nơi cư trú tại thôn 1, xã Đ L, huyện Đ H, tỉnh Kon Tum. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà đã thụ lý, giải quyết, xác định quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng và thẩm quyền

đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Huỳnh Thị Xuân Đ vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Xét thấy, đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị Xuân Đ đảm bảo về nội dung, hình thức và thời hạn kháng cáo trong hạn luật định nên cần chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lê Xuân Qu vắng mặt và có đơn đề nghị hoãn phiên tòa. Xét thấy, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đối với chị Quỳnh; mặt khác nội dung kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Xuân Đ không liên quan đến chị Lê Xuân Qu; việc vắng mặt của chị Qu không ảnh hưởng đến việc xét xử phúc thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử đã thảo luận và căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định tiếp tục tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Xuân Đ, thấy rằng:

Bà Huỳnh Thị Xuân Đ kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 700.000.000 đ (*Bảy trăm triệu đồng*), chỉ chấp nhận một phần bản án là buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*) với lý do: khi bà mua đất của ông Đàm Quang H ở xã Đ, huyện Đ H giá là 1.050.0000 đ (*Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng*) bà đã đặt cọc hai lần với số tiền 450.000.000 đ (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*) để ông H đồng ý chuyển nhượng cây và đất, do không có tiền để giao tiếp phần còn lại nên ông Triệu bảo bà viết giấy nợ thì ông sẽ trả tiền cho ông H và sẽ làm thủ tục sang tên cho con gái bà Đào là chị Lê Xuân Qu nên bà mới viết nhưng sau đó ông Tr không chịu trả tiền cho ông H, bà sợ mất tiền cọc nên bảo con gái trả tiền để làm thủ tục sang nhượng trực tiếp từ ông H mà không liên quan đến ông Tr nữa. Bà không nhận số tiền 700.000.000 đồng từ ông Tr. Tuy nhiên, bà không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Người làm chứng ông Đàm Quang Hiên và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Xuân Qu đều xác định: Việc sang nhượng đất được thực hiện trực tiếp giữa chị Qu và ông Đàm Quang H, không liên quan đến ông Nguyễn Tấn Tr, không giao dịch nhận tiền với ai khác (bút lục 53, 97). Do đó, lý do kháng cáo nêu trên của bị đơn là không có cơ sở.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị đơn bà Huỳnh Thị Xuân Đ đều thừa nhận nội dung trong giấy mượn tiền là: “Đào trả 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng chẵn*)” “Ký” vào phần dưới sau đó viết “*Tôi tên: Huỳnh Thị Xuân Đ, Năm sinh: 1968, CM 233115596 CN 8/9/2005 Kon Tum, Đc: thôn 1B xã Đ huyện Đ H, Tỉnh Kon Tum, Tôi đã đọc và xác nhận hai nội dung trên là đúng sự thật, tôi còn nợ lại 700.000 triệu*” và ký, ghi họ tên “*Huỳnh Thị Xuân Đ*” là do bà viết và ký họ tên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Đào cho rằng bà bị ông Tr ép phải viết như vậy. Tuy nhiên, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm tại biên bản đối chất ngày

11/11/2021 (bút lục 202) thì bà đã thừa nhận bà không bị ép buộc. Như vậy, khi viết giấy mượn tiền bà Huỳnh Thị Xuân Đ là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc bà viết và ký các nội dung nêu trên là tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Ngoài ra, phân tích nội dung nhận nợ do bị đơn bà Huỳnh Thị Xuân Đ viết, thấy rằng: Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án các bên khai không thống nhất nhưng có cơ sở xác định bị đơn bà Huỳnh Thị Xuân Đ còn nợ nguyên đơn 700.000.000 đồng chứ không phải 100.000.000 đồng như bà trình bày, bởi lẽ:

Bà cho rằng bà chỉ nợ ông Triệu 100.000.000 đồng cộng với 25.000.000 đồng trong số tiền 50.000.000 đồng nợ chung của bà với bà Bùi Thị Thu H nhưng lại viết nội dung “*Đào trả 200.000.000 đ (Hai trăm triệu đồng chẵn)*” là không phù hợp.

Mặt khác, bà Đ cho rằng bà ghi nhận nợ 700.000.000 đồng là do ông Tr hứa trả tiền mua đất cho bà. Tuy nhiên, nội dung lại ghi là “*tôi còn nợ lại 700.000.000 đồng*”. Như vậy, việc bà còn nợ 700.000.000 đồng là sau khi đã trả được 200.000.000 đồng trong tổng số tiền 900.000.000 đồng mà bà đã vay trước đó của ông Triệu, thì còn nợ lại chứ không phải ghi nợ một khoản vay độc lập là 700.000.000 đồng. Điều này cũng phù hợp với lời khai và nội dung ông Triệu ghi trong giấy vay tiền tại trang hai là bà Đào vay ông tổng cộng 900.000.000 đồng, đã trả được 200.000.000 đồng, còn nợ lại 700.000.000 đồng.

Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn Tr, buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Xuân Đ phải trả cho ông Tr số tiền 700.000.000 đồng cộng với số tiền 25.000.000 đồng trong khoản nợ chung 50.00.000 đồng của bà Đ và bà H (mà các bên đều thống nhất) tổng cộng số tiền còn nợ là 725.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Từ những nhận định, phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Xuân Đ là không có cơ sở để chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] *Về án phí dân sự phúc thẩm:* Do kháng cáo bị đơn Huỳnh Thị Xuân Đ không được chấp nhận nên bà Đào phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Xuân Đ đề ngày 13/10/2021.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2021/DS-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Kon Tum.

- Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 91; Điều 92, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 351; 357; 463; 466; 469 của Bộ luật dân sự 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn Tr đề ngày 21/06/2021 sửa đổi bổ sung ngày 07/07/2021.

2. Buộc bà Huỳnh Thị Xuân Đ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Tấn Tr tổng số tiền 725.000.000 đồng (*Bảy trăm hai mươi lăm triệu đồng*).

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015: Kể từ ngày ông Nguyễn Tấn Tr có đơn yêu cầu thi hành án, mà bà Huỳnh Thị Xuân Đ không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bà Huỳnh Thị Xuân Đ còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. *Về án phí*: Căn cứ Điều 144, Điều 147; khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, 18; điểm b, c khoản 1 Điều 24; khoản 1, khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Buộc bà Huỳnh Thị Xuân Đ phải chịu 33.000.000 đồng (*Ba mươi ba triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Tấn Triệu phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần không được chấp nhận là 30.398.750 đồng (*Ba mươi chín triệu ba trăm chín tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng*) ông Nguyễn Tấn Tr đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 26.774.531 đồng (*Hai mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi bốn ngàn năm trăm ba mươi đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0005348 ngày 08/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Hà; ông Triệu còn phải nộp tiếp số tiền 3.624.219 đồng (*Ba triệu sáu trăm hai mươi bốn ngàn hai trăm mười chín đồng*).

- *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Bị đơn bà Huỳnh Thị Xuân Đ phải chịu 300.000 đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001577 ngày 19/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Hà; bà Đ đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (05/01/2022).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- TAND huyện Đắk Hà;
- VKSND huyện Đắk Hà;
- Chi cục THADS huyện Đắk Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Nguyên

Nơi nhận:

THẨM

- Tòa án ND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND t. Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện Đắk Tô;
- VKSND huyện Đắk Tô;
- TAND huyện Đắk Tô;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Thuận

